

Số: /KH-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng 12 năm 2023

## KẾ HOẠCH

### Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Căn cứ Nghị quyết số 105/2023/QH15 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 01/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021- 2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ Kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang, năm 2024;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (sau đây viết tắt MTQG) giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, cụ thể như sau:

## **A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG NĂM 2023**

### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH, XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

Căn cứ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2023, Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang năm 2023<sup>1</sup>. Ban hành 02 Quyết định, 04 kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững<sup>2</sup>.

Căn cứ các Thông tư hướng dẫn triển khai thực hiện và văn bản hướng dẫn của Trung ương, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo năm 2023<sup>3</sup>.

<sup>1</sup> Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 28/2/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

<sup>2</sup> (1) Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 về giao Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh Tuyên Quang năm 2023; (2) Quyết định số 73/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 về phân bổ và giao dự toán vốn sự nghiệp Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững tỉnh; (3) Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 10/4/2023 về thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và công tác giảm nghèo năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (4) Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 14/4/2023 về kiểm tra, giám sát Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (5) Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 30/8/2023 thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình năm 2023 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (6) Kế hoạch số: 172 /KH-UBND ngày 01/8/2023 về Đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

<sup>3</sup> Từ đầu năm đến nay đã ban hành các văn bản:

- **Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành:** Nghị quyết số 02/2023/NQ-HĐND ngày 28/02/2023 quy định mức hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo một số nội dung về mức chi giảm nghèo về thông tin thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 quy định mức hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; dự án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021- 2025;

- **Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành:** Quyết định số 04/2023/QĐ-UBND ngày 20/3/2023 quy định quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán các nguồn vốn lồng ghép thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025; Quyết định Số 02/2023/QĐ-UBND ngày 08/3/2023 quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ để luân chuyển, trong cộng đồng thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 ban hành Quy định việc quản lý, vận hành công trình và quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì đối với công trình đường giao thông nông thôn được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 200 /QĐ-UBND ngày 27/5/2023 phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 14/2023/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật một số cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Quyết định 350/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, năm 2022

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

**1. Mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo:** Kế hoạch giảm tỷ lệ hộ nghèo 3,51% (giảm từ 18,9% xuống còn 15,39%).

### 2. Ước thực hiện kế hoạch:

- Thực hiện giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn toàn tỉnh năm 2023 giảm 3,8%, vượt kế hoạch năm (Kế hoạch đề ra 3,51%)

- Ước thực hiện đến hết năm 2023 không còn hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hằng tháng (đạt 100% kế hoạch đề ra).

## III. KẾT QUẢ PHÂN BỐ, SỬ DỤNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

**1. Tổng kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giao năm 2023:** 264.822 triệu đồng; trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: 257.108 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 112.449 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 144.659 triệu đồng).

- Vốn đối ứng ngân sách địa phương: 7.714 triệu đồng (Vốn đầu tư phát triển: 3.374 triệu đồng, vốn sự nghiệp: 4.340 triệu đồng).

### 2. Tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình

Kết quả đến ngày 29/11/2023 toàn tỉnh đã lũy kế giải ngân được 183.760 /504.179,58 triệu đồng (vốn năm 2021, 2022 và 2023), đạt tỷ lệ 36,45% kế hoạch. Trong đó vốn ngân sách trung ương 183.095/489.744 triệu đồng, đạt 37,38% kế hoạch (vốn đầu tư 108.024/278.558 triệu đồng, đạt 38,77% kế hoạch; vốn sự nghiệp 75.071/211.186 triệu đồng, đạt 35,54% kế hoạch); ngân sách địa phương 665/14.435,6 triệu đồng, đạt 4,60% (vốn sự nghiệp 192/6.078,31 triệu đồng, đạt 3,16%)

- Vốn năm 2021 thực hiện trong năm 2022 đã giải ngân 8.530,6/8.584 triệu đồng vốn sự nghiệp (hoàn trả 53,4 triệu đồng do không còn nhiệm vụ chi).

- Vốn năm 2022 lũy kế thực hiện giải ngân là 114.814/230.773,58 triệu đồng, tỷ lệ giải ngân là 49,75%. Vốn năm 2022 thực hiện giải ngân trong năm 2023 là 110.938/230.773,58 triệu đồng, tỷ lệ 49,51%, trong đó: vốn đầu tư phát triển 94.275/166.109 triệu đồng, tỷ lệ 56,75%; vốn sự nghiệp 16.663/57.943 triệu đồng, tỷ lệ 28,76% (vốn ngân sách trung ương 110.938/224.052 triệu đồng, tỷ lệ 49,51%).

- Vốn ngân sách trung ương năm 2023 giải ngân 60.415/257.108 triệu đồng, tỷ lệ 23,31%, trong đó vốn đầu tư phát triển 14.222/112.449 triệu đồng, tỷ lệ 12,23%, vốn sự nghiệp 46.193/144.659 triệu đồng, tỷ lệ 31,93%.

- Ước thực hiện giải ngân nguồn vốn đến 31/12/2023 là 87,58%, trong đó vốn năm 2022 là 220.077,52/230.773,56 triệu đồng, tỷ lệ 95,4%; vốn năm 2023 là 212.936,41/264.822 triệu đồng, tỷ lệ 80,4%.

*(Chi tiết có Phụ lục số I, II về tiến độ giải ngân và ước thực hiện kèm theo)*

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Ưu điểm:** Việc thực hiện công tác giảm nghèo luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát kịp thời của Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, nhằm thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu giảm nghèo chung và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững.

#### **2. Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân:**

**2.1. Khó khăn, hạn chế:** Tiến độ triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững chậm, tỷ lệ giải ngân đạt thấp.

#### **2.2. Nguyên nhân:**

##### **a) Nguyên nhân khách quan:**

- Việc thực hiện Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 được quản lý, tổ chức thực hiện theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG, trong đó phân cấp cho cấp tỉnh ban hành rất nhiều văn bản triển khai thực hiện. Tuy nhiên, hầu hết các văn bản quy định nêu trên đều là văn bản quy phạm pháp luật, phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo trình tự, thủ tục của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, qua nhiều bước xây dựng lấy ý kiến, một số nội dung mới thực hiện, do vậy ảnh hưởng đến tiến độ triển khai thực hiện.

- Nguồn vốn năm 2022 trung ương phân bổ cho địa phương chậm (ngày 28/5/2022) do vậy khi chuyển sang thực hiện năm 2023 có khối lượng công việc nhiều ảnh hưởng đến tiến độ công việc, tiến độ giải ngân; đồng thời một số nội dung của Chương trình mới triển khai ở giai đoạn 2021- 2025 nên dẫn đến thiếu kinh nghiệm trong triển khai thực hiện từ tỉnh đến cơ sở.

##### **b) Nguyên nhân chủ quan:**

- Việc thực hiện các Chương trình MTQG tại cơ sở còn gặp nhiều khó khăn do cùng một lúc phải thực hiện 03 chương trình. Bên cạnh đó một số địa phương qua kiểm tra, giám sát chưa thực sự quyết liệt trong công tác triển khai thực hiện; chưa nắm rõ các nội dung, đối tượng và quy trình thực hiện các dự án, tiểu dự án của chương trình nhất là tại cơ sở.

- Sự phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương và cơ quan chủ quản chương trình có lúc chưa chặt chẽ nên quá trình tổng hợp, báo cáo, xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện chương trình chưa đảm bảo về tiến độ, một số nội dung của dự án, tiểu dự án còn phải điều chỉnh nhiều lần dẫn đến chậm triển khai thực hiện.

- Năng lực của một số cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở còn hạn chế, chưa chuyên trách, kiêm nhiệm nhiều công việc; thiếu kinh nghiệm nên khó khăn, làm chậm tiến độ trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình tại cơ sở.

## **B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2024**

### **I. BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

#### **1. Thuận lợi**

Cấp ủy, chính quyền các cấp thường xuyên quan tâm, chỉ đạo sát sao công tác giảm nghèo như: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; chính sách hỗ trợ y tế, giáo dục cho con em hộ nghèo; chính sách tín dụng ưu đãi; các chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số. Nguồn lực thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo được đảm bảo, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm.

Các chính sách của Đảng và Nhà nước luôn nhận được sự đồng thuận của người dân, có sự chung tay vào cuộc của các tổ chức chính trị - xã hội các cấp; luôn làm tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, coi công tác giảm nghèo đa chiều là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của hệ thống chính trị và xã hội, qua đó tạo sự đồng thuận trong triển khai thực hiện mục tiêu giảm nghèo.

#### **2. Khó khăn**

Do vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên chung của tỉnh không thuận lợi (không có cảng biển biển, cửa khẩu, chưa có đường sắt...); địa hình các huyện vùng cao, các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa chia cắt, đất sản xuất cho người dân chưa đáp ứng yêu cầu, nhiều hộ nghèo cận nghèo còn thiếu đất sản xuất, thiếu vốn, thiếu phương tiện sản xuất; nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo còn hạn chế; hộ mới thoát nghèo và người dân ở các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn; số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn ít, doanh thu nhỏ, chưa thu hút được nhiều lao động vào làm việc để chuyển dịch cơ cấu lao động của địa

phương và tiêu thụ sản phẩm do người dân sản xuất ra để nâng cao thu nhập; một số hộ nghèo do trong gia đình có người già ốm đau thường xuyên, tàn tật, có người mắc tệ nạn xã hội. Thiên tai, dịch bệnh và thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện công tác giảm nghèo.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững; giảm dần khoảng cách giàu nghèo giữa các địa phương; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ người nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, nâng cao chất lượng cuộc sống và tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng các xã, thôn nghèo nhằm sớm thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn; hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, sinh kế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin; cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người dân, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh năm 2024.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

Tỷ lệ hộ nghèo chung toàn tỉnh giảm bình quân trên 3%/năm, trong đó hộ nghèo dân tộc thiểu số giảm bình quân từ 4%/năm trở lên; Tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo giảm từ 4%/năm trở lên.

### **3. Kết quả chủ yếu**

- 100% các huyện nghèo được hỗ trợ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội liên kết vùng, phục vụ dân sinh, sản xuất, thương mại, lưu thông hàng hóa và cung cấp các dịch vụ xã hội cơ bản; ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, gồm: đường giao thông, trường học, cơ sở y tế, cầu, hạ tầng điện, công trình thủy lợi.

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng mỗi huyện ít nhất 01 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất.

- 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được vay vốn tín dụng ưu đãi để phát triển sản xuất, kinh doanh; cùng với thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, ổn định sinh kế khác, góp phần giảm hộ nghèo do nguyên nhân thiếu vốn sản xuất.

- 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách,

dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

### **III. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỀ XUẤT KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2024**

#### **1. Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 323.078 triệu đồng, trong đó:**

- Ngân sách trung ương: 313.668 triệu đồng (*Vốn đầu tư phát triển: 135.959 triệu đồng, vốn sự nghiệp 177.709 triệu đồng*).

- Ngân sách địa phương (*bổ trí tối thiểu 3% so với nguồn vốn được Trung ương phân bổ*): 9.410 triệu đồng.

#### **2. Nội dung, đối tượng và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ:**

**Nội dung, đối tượng thực hiện:** Thực hiện theo quy định của Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương.

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ:** Thực hiện Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 01/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

#### **3. Cụ thể theo Dự án, Tiểu Dự án:**

**3.1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã ĐBKK vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.**

a) Mục tiêu: Xây dựng cơ sở hạ tầng liên kết vùng, thiết yếu, phục vụ dân sinh, sản xuất, lưu thông hàng hóa trên địa bàn các huyện nghèo; hỗ trợ các địa bàn nghèo phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

b) Kết quả đầu ra: Hệ thống cơ sở vật chất: đường giao thông, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, trường lớp học...

c) Nguồn vốn:

- Vốn ngân sách trung ương: 126.287 triệu đồng, gồm:

+ Vốn đầu tư: 113.252 triệu đồng.

+ Vốn sự nghiệp: 13.035 triệu đồng.

- Vốn ngân sách địa phương đối ứng: 4.224 triệu đồng (đầu tư 3.398 triệu đồng; sự nghiệp 826 triệu đồng).

### **3.2. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hoá của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Kết quả đầu ra: Nhân rộng các mô hình giảm nghèo, tăng thu nhập cho người dân, các hộ nghèo và hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo.

c) Nguồn vốn: Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 52.320 triệu đồng.

### **3.3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

**(1) Tiểu dự án 1:** Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập, gắn với quy hoạch sản xuất, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản hàng hóa, tập trung vào các sản phẩm chủ lực, đặc sản theo chuỗi liên kết đảm bảo chất lượng, giá trị gia tăng cao gắn với xây dựng nông thôn mới.

b) Kết quả đầu ra: Các dự án phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho người dân, các hộ nghèo và hộ cận nghèo vươn lên thoát nghèo.

c) Nguồn vốn: Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 21.629 triệu đồng.

**(2) Tiểu dự án 2:** Cải thiện dinh dưỡng

a) Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tầm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

b) Kết quả đầu ra: Cải thiện dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em.

c) Nguồn vốn: Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 6.545 triệu đồng;

### **3.4. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

**(1) Tiểu dự án 1:** Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.



a) Mục tiêu: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh, (ưu tiên người dân trên địa bàn huyện nghèo), gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Kết quả đầu ra: Phát triển giáo dục nghề nghiệp tại các huyện, bao gồm hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có thu nhập thấp.

c) Nguồn vốn:

- Vốn ngân sách trung ương: 52.326 triệu đồng

+ Vốn đầu tư: 19.266 triệu đồng;

+ Vốn sự nghiệp: 33.060 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng: 578 triệu đồng

**(2) Tiểu dự án 2:** Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a) Mục tiêu: Đẩy mạnh hoạt động đưa người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo Na Hang, Lâm Bình đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; hỗ trợ hoạt động đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ, kỹ năng nghề cho người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập và giảm nghèo bền vững, nhất là người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động trên địa bàn huyện nghèo.

b) Kết quả đầu ra: Lao động đi làm việc ở nước ngoài

c) Nguồn vốn: Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 1.895 triệu đồng;

**(3) Tiểu dự án 3:** Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

b) Kết quả đầu ra: Hình thành sàn giao dịch việc làm, quản lý dữ liệu lao động, hỗ trợ kết nối việc làm.

c) Nguồn vốn:

- Vốn ngân sách trung ương: 12.748 triệu đồng, gồm:

+ Vốn đầu tư: 3.441 triệu đồng.

+ Vốn sự nghiệp: 9.307 triệu đồng.

- Vốn đầu tư ngân sách địa phương đối ứng: 103 triệu đồng

### **3.5. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo.**

a) Mục tiêu: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, có khả năng chống chịu tác động của thiên tai, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và giảm nghèo bền vững.

b) Kết quả đầu ra: Nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

c) Nguồn vốn:

- Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 18.025 triệu đồng.

- Vốn sự nghiệp ngân sách địa phương đối ứng: 4.505 triệu đồng.

### **3.6. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

**(1) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin**

a) Mục tiêu:

- Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo sử dụng dịch vụ viễn thông, tiếp cận thông tin, giảm nghèo về thông tin.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

- Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này.

b) Kết quả đầu ra: Xây dựng, thiết lập cụm thông tin, phục vụ thông tin, tuyên truyền đến người dân.

c) Nguồn vốn: Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 6.278 triệu đồng.

**(2) Tiểu dự án 2:** Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

## a) Mục tiêu:

Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b) Kết quả đầu ra: Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, truyền thông tới người dân về các chính sách giảm nghèo.

c) Nguồn vốn: Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 3.097 triệu đồng.

**3. 7. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình****(1) Tiểu dự án 1:** Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Mục tiêu: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) Kết quả đầu ra: Đội ngũ làm công tác giảm nghèo các cấp được nâng cao năng lực.

c) Nguồn vốn: Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 7.819 triệu đồng.

**(2) Tiểu dự án 2:** Giám sát, đánh giá

## a) Mục tiêu:

- Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình.

- Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

c) Kết quả đầu ra: Đảm bảo quá trình triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình được đúng quy định của pháp luật.

d) Nguồn vốn: Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 4.699 triệu đồng.

*(Chi tiết có Phụ lục số III, IV, V đính kèm)*

**IV. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

**1.** Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị, địa phương triển khai các Dự án, Tiểu Dự án của Chương trình đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, ưu tiên nguồn lực đầu tư các công trình mang tính đột phá của địa phương, nhằm giải

quyết cơ bản những khó khăn tại các huyện nghèo; tập trung thực hiện tốt chính sách hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo; nghiên cứu xây dựng các dự án đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo hiệu quả.

**2.** Tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách giảm nghèo hiện hành như chính sách tín dụng ưu đãi, chính sách dạy nghề, hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, chính sách hỗ trợ y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, hỗ trợ tiền điện, chính sách trợ giúp pháp lý.

**3.** Thường xuyên thực hiện kiểm tra, giám sát đánh giá tình hình thực hiện các chính sách, dự án của chương trình tại cơ sở.

**4.** Thực hiện tốt công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm làm cơ sở cho việc triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

**5.** Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện phong trào thi đua “chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” trên địa bàn tỉnh với thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

**6.** Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu trong công tác giảm nghèo. Động viên, hướng dẫn người nghèo, hộ nghèo có kiến thức, kinh nghiệm trong lao động, sản xuất, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Cơ quan Thường trực Chương trình, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì thực hiện các dự án: Dự án 1, Dự án 2, Dự án 4, (Tiểu dự án 2) Dự án 6, Dự án 7; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

**2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Chủ trì (Tiểu dự án 1) Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và gửi báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**3. Sở Y tế:** Chủ trì (Tiểu dự án 2) Dự án 3; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và gửi báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**4. Sở Xây dựng:** Chủ trì Dự án 5; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và gửi báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**5. Sở Thông tin và Truyền thông:** Chủ trì (Tiểu dự án 1) Dự án 6; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và gửi báo cáo về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Chương trình. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, cân đối, bố trí vốn, thẩm định nguồn vốn đầu tư Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hằng năm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

### **7. Sở Tài chính**

- Phối hợp cho ý kiến về phương án phân bổ vốn sự nghiệp của Chương trình; Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí vốn đối ứng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách địa phương cho Chương trình, đảm bảo phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn của Trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình.

### **8. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành liên quan**

- Tham gia triển khai nội dung Chương trình trong phạm vi và nội dung, nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực do Sở, ban, ngành quản lý.

- Các Sở, ban, ngành được phân công thực hiện các chính sách giảm nghèo chịu trách nhiệm rà soát, xây dựng, hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách giảm nghèo gắn với chính sách, chương trình và kế hoạch phát triển của Sở, ban, ngành; đồng thời chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, thực hiện ở cơ sở.

**9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh:** Theo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phối hợp tổ chức vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024; phối hợp thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, thực hiện các mô hình hỗ trợ giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo về hỗ trợ làm nhà ở, phát triển sản xuất... và đẩy mạnh các hoạt động chăm lo cho người nghèo.

### **10. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố**

- Xây dựng Kế hoạch triển khai Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, gắn với xây dựng nông thôn mới có hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế.

- Chủ động phối hợp với các Sở, ban, ngành của tỉnh (các cơ quan chủ trì dự án, chủ trì tiểu dự án), hướng dẫn, chỉ đạo cơ sở triển khai thực hiện dự án, tiểu dự án đạt hiệu quả.

- Thực hiện rà soát, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo hướng dẫn của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, cập nhật thường xuyên các nguyên nhân của hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm cơ sở cho việc lập kế hoạch giải quyết các chiều thiếu hụt.

- Lồng ghép nguồn vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững với các nguồn vốn của các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn để giải quyết các nhu cầu cần thiết của hộ nghèo, hộ cận nghèo như: nước sạch, vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin...

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra giám sát đánh giá tại cơ sở và tại các hộ nghèo, hộ cận nghèo nhằm phát hiện các sai sót uốn nắn kịp thời.

- Chấp hành chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) về tình hình triển khai thực hiện Chương trình về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát. Chủ động cân đối bố trí nguồn vốn đối ứng từ ngân sách huyện, nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác và các nguồn lực hợp pháp khác ngoài ngân sách để thực hiện Chương trình.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Yêu cầu các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- Bộ Lao động – TB và XH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng Quốc gia về giảm nghèo;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND huyện, thành phố;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THVX (Tuân).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Việt Phương**